



**TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP
QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
GIAI ĐOẠN KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 23/03/20**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
FAC AUDITING CO., LTD**

**Add: Tầng 5, số 01 Trần Phú, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235 2226889 - Fax: 0235 3837878 - Email: facqna@gmail.com**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 23/03/2020	5-6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020	8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020	9 – 18

59
C
IÊN
CI
MI
K

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam (gọi tắt là “Trung tâm”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính (đính kèm) cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020 đã được kiểm toán.

1. Thông tin khái quát

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam được thành lập theo Quyết định thành lập số 3620/QĐ-UBND ngày 05/11/2008, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam quản lý trực tiếp. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên kể từ ngày 07/01/2015 theo Quyết định giao tự chủ tài chính số 52/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam.

Chức năng, nhiệm vụ chính của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là dẫn nhập, khảo nghiệm, thực nghiệm, chọn tạo, điều tra bình tuyển, chọn lọc phục tráng, nuôi giữ bảo tồn và phát triển giống cây trồng, vật nuôi; tổ chức sản xuất, cung ứng giống và các loại vật tư thiết bị kỹ thuật, hóa chất, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: 78 Hùng Vương, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
Trại Giống cây trồng Nam Phước	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
(*) Trại Phát triển giống nầm Điện Ngọc	Khối phố Tứ Hà, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(*) Trại PTCN Giống cây trồng Tam An	Quốc lộ 1A, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

(*): Hai đơn vị này đã giải thể theo các Quyết định 387, 388/QĐ-SNN&PTNT ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 23 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020 của Trung tâm được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm của báo cáo này (từ trang 5 đến trang 18).

3. Người đại diện

Thủ trưởng đơn vị là Ông Nguyễn Đình Vương - Giám đốc Trung tâm.

4. Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Trung tâm cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình

hình tài chính của Trung tâm tại ngày 23/03/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Trung tâm sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc khẳng định Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Trung tâm và đảm bảo báo cáo tài chính của Trung tâm tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

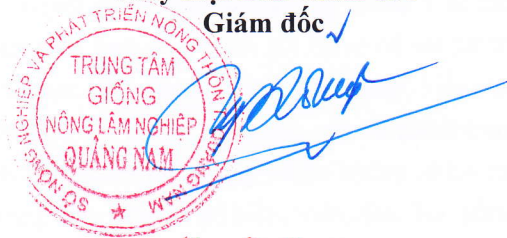
6. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc cam kết rằng, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm tại ngày 23 tháng 03 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Nam, ngày 13 tháng 04 năm 2020

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc ✓



Nguyễn Đình Vương

Số: 1920-046/FAC-BCKT-BCTC

Quảng Nam, ngày 13 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, được lập ngày 13/04/2020, từ trang 5 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 23/03/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020, Trung tâm đã ghi nhận Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp ước tính chi phí nên chúng tôi chưa có cơ sở chắc chắn về tính phù hợp giữa doanh thu và giá vốn được ghi nhận trong kỳ, cũng như mức độ ảnh hưởng của nó đối với việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020 của Trung tâm.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại ngày 23/03/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung



Phó Giám đốc

Lê Thị Vân Trâm

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1470-2018-099-1

Kiểm toán viên

Võ Thị Hiếu

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4737-2019-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 23 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.167.775.842	2.738.306.523
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	341.785.365	1.225.381.637
1.	Tiền	111		341.785.365	1.225.381.637
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.189.666.209	1.164.881.545
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	514.551.500	1.006.581.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	81.629.000	21.000.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	593.485.709	137.300.545
IV.	Hàng tồn kho	140		636.324.268	348.043.341
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	636.324.268	348.043.341
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.425.171.931	15.025.947.497
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.425.171.931	15.025.947.497
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	10.425.171.931	13.726.784.497
	<i>Nguyên giá</i>	222		24.264.871.727	31.847.391.221
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.839.699.796)	(18.120.606.724)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	1.299.163.000
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	1.299.163.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.592.947.773	17.764.254.020



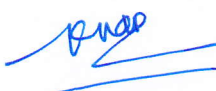
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

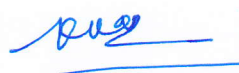
Tại ngày 23 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.463.238.147	1.910.280.231
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.463.238.147	1.910.280.231
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	44.323.040	77.280.840
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	77.500.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	-	25.614.117
4.	Phải trả người lao động	314		21.221.000	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	25.000.000	-
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.250.194.107	1.197.403.652
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	45.000.000	300.000.000
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	309.981.622
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.129.709.626	15.853.973.789
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	679.033.286	828.026.292
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.687.813	304.687.813
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		523.338.479	523.338.479
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.881.200	-
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(169.874.206)	-
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(169.874.206)	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		10.450.676.340	15.025.947.497
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		10.450.676.340	15.025.947.497
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.592.947.773	17.764.254.020



Nguyễn Thị Kim Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Vương
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 13/04/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020


Mẫu B 02 – DN

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.057.033.570
2.	Các khoản giảm trừ	02		-
		10		4.057.033.570
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.950.053.131
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.980.439
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	707.590
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	19.449.417
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.449.417</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	319.107.287
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(230.868.675)
11.	Thu nhập khác	31		-
12.	Chi phí khác	32		-
13.	Lợi nhuận khác	40		-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(230.868.675)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(230.868.675)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-


Nguyễn Thị Kim Xuân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Xuân
Kê toán trưởng


Nguyễn Đình Vương
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 13/04/2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo PP gián tiếp)
Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

Mẫu B 03 – DN

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	(230.868.675)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
	- Khấu hao tài sản cố định	02	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(707.590)
	- Chi phí lãi vay	06	19.449.417
	- Các khoản điều chỉnh khác	07	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(212.126.848)
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.784.664)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(262.776.518)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	143.353.655
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.449.417)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.414.117)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(228.105.953)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(629.303.862)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	707.590
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	707.590
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1.	Tiền thu từ đi vay	33	105.000.000
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(360.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(255.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(883.596.272)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.225.381.637
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	341.785.365


Nguyễn Thị Kim Xuân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Vương
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 13/04/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất nông, lâm nghiệp.
- 3. Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động sản xuất, dịch vụ nông- lâm nghiệp.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Trung tâm được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trung tâm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trung tâm Giống Nông- Lâm nghiệp Quảng Nam áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và lập Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để phục vụ mục đích cổ phần hóa.

Hình thức Kế toán: Chứng từ ghi sổ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

- Có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước.

4. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:

Các tài sản có thời hạn sử dụng trên 1 năm và nguyên giá dưới 10 triệu đồng, không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại thành chi phí trả trước dài hạn.

5. Ghi nhận và hao mòn TSCĐ:

Tài sản cố định được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được xác định theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn: có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên và có nguyên giá từ 10.000.000 đồng trở lên. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Trung tâm phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Nguyên giá TSCĐ tăng do đánh giá lại theo Quyết định 2469/QĐ-UBND ngày 02 tháng 08 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Hao mòn tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản hao mòn phù hợp với Thông tư số 45/2018/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07/05/2018. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện hao mòn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả thương mại, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

7. Ghi nhận tiền lương:

Quyế tiền lương thực hiện được xác nhận trên cơ sở tiền lương thực tế trả cho người lao động theo biên chế Nhà nước.

8. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Trung tâm đang thực hiện

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
Tiền mặt	30.823.171	172.932.058
Tiền gửi Ngân hàng	310.962.194	1.052.449.579
Cộng	341.785.365	1.225.381.637

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
- Văn phòng trung tâm	34.120.000	101.840.000
Phòng Nông nghiệp và PTNT Duy Xuyên	-	10.500.000
Công ty CP tập đoàn Điện Bàn	-	12.500.000
Trường Đại học Quảng Nam	-	24.000.000
Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông	34.120.000	54.840.000
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	42.000.000	-
Công ty TNHH Giống cây trồng Tiên Hải	42.000.000	-
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	438.431.500	904.741.000
Đại lý Thiên Thanh	23.780.000	84.500.000
Viện Nghiên cứu Ngô	120.000.000	-
Đại lý Ba Đình	82.918.000	-
Công ty Thiên An Nông	90.941.500	59.285.000
HTX Điện Ngọc	34.996.000	32.496.000
Các đối tượng khác	85.796.000	728.460.000
Cộng	514.551.500	1.006.581.000

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	81.629.000	21.000.000
Hộ nhận khoán	52.129.000	21.000.000
Thái Ngô Hà	28.000.000	-
Huỳnh Thị Thanh Thúy	1.500.000	-
Cộng	81.629.000	21.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

Mẫu số B09-DN

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
Tạm ứng	2.000.000	89.500.000
Phải thu về cổ phần hóa	577.550.709	-
Phải thu ngắn hạn khác (*)	13.935.000	47.800.545
Cộng	593.485.709	137.300.545

(*) Phải thu ngắn hạn khác, gồm:

Dự án hạ tầng giống	13.935.000	13.935.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	33.865.545
Cộng	13.935.000	47.800.545

5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 23/03/2020		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	899.415	-	37.390.180	-
Công cụ, dụng cụ	25.504.409	-	-	-
Chi phí SX KD DD	593.247.310	-	3.219.200	-
Thành phẩm	16.673.134	-	287.433.961	-
Hàng hóa	-	-	20.000.000	-
Cộng	636.324.268	-	348.043.341	-

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2019	27.702.271.628	3.785.547.093	359.572.500	31.847.391.221
Tăng khác	6.787.012.227	-	-	6.787.012.227
Giảm khác	(12.260.234.628)	(2.109.297.093)	-	(14.369.531.721)
Số dư cuối kỳ	22.229.049.227	1.676.250.000	359.572.500	24.264.871.727
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2019	15.042.997.545	2.765.967.693	311.641.486	18.120.606.724
Hao mòn trong kỳ	2.065.142.088	350.737.003	66.200.745	2.482.079.836
Tăng khác	2.778.997.567	-	-	2.778.997.567
Giảm khác	(7.642.284.352)	(1.839.759.243)	(59.940.736)	(9.541.984.331)
Số dư cuối kỳ	12.244.852.848	1.276.945.453	317.901.495	13.839.699.796
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	12.659.274.083	1.019.579.400	47.931.014	13.726.784.497
Tại ngày 23/03/2020	9.984.196.379	399.304.547	41.671.005	10.425.171.931



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.299.163.000	-	1.299.163.000
Tăng khác	533.860.000	-	533.860.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	(1.833.023.000)	-	(1.833.023.000)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Hao mòn trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.299.163.000	-	1.299.163.000
Tại ngày cuối năm	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	44.323.040	54.880.840
Lý Thị Kính	39.492.000	39.492.000
Ngô Văn Hiệu	-	10.557.800
Công ty Khai thác Công trình thủy lợi	4.831.040	4.831.040
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	-	22.400.000
Công ty nhựa Đà Nẵng	-	15.000.000
Các đối tượng khác	-	7.400.000
Cộng	44.323.040	77.280.840

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	77.500.000	-
Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn	32.500.000	-
Công ty TNHH MTV Giống cây trồng Quảng Bình	45.000.000	-
Cộng	77.500.000	-

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM
78 Hùng Vương - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

Mẫu số B09-DN

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Phải nộp	Đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.414.117	-	25.414.117	-
Thuế thu nhập cá nhân	200.000	63.937.780	64.137.780	-
Cộng	25.614.117	63.937.780	89.551.897	-

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
Phải trả tiền kiểm toán BCTC cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020	25.000.000	-
Cộng	25.000.000	-

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 23/03/2020	Tại ngày 01/01/2019
Kinh phí công đoàn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác (*)	1.250.194.107	1.197.403.652
Cộng	1.250.194.107	1.197.403.652
<i>(*) Phải trả ngắn hạn khác, gồm:</i>		
- Văn phòng trung tâm	1.201.188.601	1.197.403.652
Kinh phí thực hiện quyết định 35/QĐ-UBND	252.329.208	432.329.208
Đề tài trâu	-	119.188.168
Dự án nông thôn miền núi	-	472.240.176
Phải trả về cổ phần hóa	917.686.164	-
Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam	31.173.229	-
Các đối tượng khác	-	173.646.100
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	19.782.433	-
Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam	19.782.433	-
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	29.223.072	-
Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam	29.223.072	-
Cộng	1.250.194.106	1.197.403.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Số cuối kỳ
- Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trưng	-	105.000.000	60.000.000	45.000.000
Phan Thị Hiền	-	105.000.000	60.000.000	45.000.000
- Trại Giống cây trồng Nam Phước	300.000.000	-	300.000.000	-
Đoàn Thị Lựu	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	300.000.000	105.000.000	360.000.000	45.000.000

14. Vốn chủ sở hữu

- Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu kỳ	304.687.813	523.338.479	-	-	828.026.292
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, nguồn cải cách tiền lương	-	-	20.881.200	-	20.881.200
- Điều chỉnh quỹ ổn định thu nhập đã trích năm 2018	-	-	-	60.994.469	60.994.469
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(230.868.675)	(230.868.675)
Số dư cuối kỳ	304.687.813	523.338.479	20.881.200	(169.874.206)	679.033.286

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Doanh thu bán hàng	4.057.033.570
Cộng	4.057.033.570

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Giá vốn hàng bán	3.950.053.131
Cộng	3.950.053.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020

Mẫu số B09-DN

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Lãi tiền gửi	707.590
Cộng	707.590

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Lãi tiền vay	19.449.417
Cộng	19.449.417

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chủ yếu trong chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Chi phí nhân viên quản lý	155.676.717
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	163.430.570
Cộng	319.107.287

6. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(230.868.675)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(230.868.675)
Thu nhập tính thuế TNDN	(230.868.675)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

VI. Thông tin khác

1. Nguồn kinh phí

	Số tiền
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm 2019	1.564.328.000
- Chi sự nghiệp trong năm 2019	1.564.328.000
+ Chi không thường xuyên- Tạm ứng	-
+ Chi không thường xuyên- Thực chi	1.564.328.000

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

78 Hùng Vương - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020


Mẫu số B09-DN

2. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

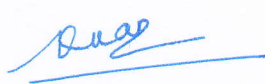
Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam chuyển thành Công ty Cổ phần giống Nông nghiệp Quảng Nam theo Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001204571 ngày 23/03/2020.

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung. Số liệu cuối kỳ được lập cho mục đích cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/03/2020, do đó số liệu đầu kỳ không mang tính chất so sánh.



Nguyễn Thị Kim Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Vương
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 13/04/2020

